



Câu lạc bộ thơ
TÂN HÌNH THỨC

VẬN ĐỘNG SÁNG TÁC VÀ THẢO LUẬN

Báo Giấy • Tháng 12 năm 2017 • Năm thứ 3 • Số 43

POETRY JOURNAL IN PRINT • BÁO GIẤY

Print it out yourself

Vietnamese & English Poetry • Tri-Monthly
First year • December 2017 • Number 6

Publisher: Tan Hinh Thuc Publishing Club • Santa Ana, California, USA
www.thotanhinhthuc.org

ISSN: 2475-2274

Contact: Khe Iem, email: journalinprint@gmail.com

Editorial Staff: Diễm Thọ, Khế Iêm, William Noseworthy,
Phạm Kiều Tùng, Trần Vũ Liên Tâm, Richard Sindt

About Us

When we read words on paper in Western-influenced languages, we read in a linear way: from left to right, from top to bottom, line by line, from beginning to end. But reading on the Internet is often done in a non-linear way; web pages usually contain more than one readable item, so the reader is tempted to jump around and not concentrate. When reading web pages, we tend to read more quickly and less deeply than when we read on paper. *Báo Giấy* (Poetry Journal in Print) seeks to allow both kinds of reading.

The world is becoming ever smaller, and every civilization is reaching out to others because we are all in the same race; human. Humanity requires understanding and peaceful exchanges which will enrich our lives. In the age of the Internet, poetry has become a simple and convenient means to rapidly discover and begin to understand the cultures of many different peoples.

Báo Giấy is non-profit organization, and the Editorial Staff are all working volunteers. If you want to be member of *Báo Giấy*, please, send us an email.

“Thế giới trở nên ngày càng nhỏ hẹp, và mỗi nền văn minh đều vươn tới những nền văn minh khác bởi lẽ tất cả chúng ta đều cùng thuộc một nòi là giống người. Nhân loại cần đến những cuộc trao đổi trên cơ sở thông cảm lẫn nhau và hòa bình để làm phong phú cuộc sống của chúng ta. Trong thời đại Internet, thơ đã trở nên một phương tiện giản đơn và thuận tiện để phát hiện nhanh chóng và bắt đầu hiểu được những nền văn hóa của nhiều dân tộc khác nhau.”

Contents / Mục Lục

Đinh Thị Như Thúy	Tree in The Dew / <i>Cây Trong Sương</i>	2
Xuân Thủy	The Extreme End / <i>Tận Cùng</i>	3
Thạch Tốt	The Unexpected Moment / <i>Giây Phút Không Ngờ</i>	4
Khế Iêm	Withering / <i>Héo Tàn</i>	5
Hồ Đăng Thanh Ngọc	A Piece of Poetry Written by A Poet A / <i>Bài Thơ của Một Nhà Thơ</i>	6
Nguyễn Thánh Ngã	The Painted Cake / <i>Chiếc Bánh Vẽ</i>	7
Khế Iêm	The Special Peculiarities of Vietnamese New Formalism / <i>Những Đặc Điểm của Thơ Tân Hình Thức Việt</i>	8
Phill Provance	The Poem Is / <i>Bài Thơ Là</i>	15
Jordan Trethewey	Undead Hours / <i>Những Giờ Canh Thức</i>	16
Mark Osaki	An Old Dance Favor / <i>Thiện Ý Cũ của Khiêu Vũ</i>	17
Sheikha A.	Reminiscence / <i>Sự Hồi Nhớ</i>	17
Roberta Gould	Solstice Light / <i>Ánh Sáng Điem Chí</i>	18
Alden Marin	The Place of A Poet / <i>Vị Thế của Một Nhà Thơ</i>	18
Dennis Maloney	Windows / <i>Những Cửa Sổ</i>	19
Tom Riordan	Gabe & Anna's Wedding / <i>Đám Cưới của Gabe & Anna</i>	20

Vietnamese New Formalism Poetry

Đinh Thị Như Thúy
TREE IN THE DEW

The calling voices seem to
be melting into the empty
space of dew, rise gloomily
all one day one night long, one

day long one night long, then long
day then long night, continually
calling voices are melting
into the empty space of dew,

rising gloomily, only
trees and trees and trees, the trees
sprouting the green bud next to
the bridge, the bare trees baring

leaves, the trees cracking in the
middle of trunks, sprouting red
roots, the bewildered trees, planted
flowers, patiently standing

Đinh Thị Như Thúy
CÂY TRONG SƯƠNG

những tiếng gọi như tan
vào khoảng rỗng sương dâng
mịt mờ suốt một ngày
một đêm dài một ngày

dài một đêm dài rồi
ngày dài rồi đêm dài
tiếp nối những tiếng gọi
cứ tan vào khoảng rỗng

sương dâng mịt mờ chỉ
cây và cây và cây
những cây trở mầm xanh
bên cầu những cây trơ

trụi lá những cây nứt
ngang thân mầm rễ đỏ
những cây ngỡ ngác uôm
hoa nhẵn nại đứng im

silently still in the veil
of dew surrounded like milk,
only trees and trees and trees,
dripping wet from leaves, from

trunks, the streams of tears opaquely
cold, only trees and trees,
ruefully enduring enduring,
only trees and trees, still the

calling voices seem to be
melting into the empty
space, still dew is rising
gloomming, all through long days,

nights long, still just trees and trees,
and trees are impotent, burning
the fire-glow that are welling
up in memories.

20.4.2014

Translated into English by Tran Vu Lien Tam

Xuan Thuy

THE EXTREME END

Human fates are like the poetry
verses [which are] old, hold the old, pain pain
yet pain to the extreme end, as if I'm
the human who's at the extreme end, that

each human is born with at least one
extreme end, so that one wants escape but
one can never escape, like an old poem
keeps fiddling [and] cannot escape, like

poverty would make people go robbing
or not? in extreme hunger people would
go begging or not, if I also have
the extreme end which no words can speak, the

extreme end which no one understands, one
human fate is like poetry verses
[which are] old, hold the old, pain pain that
pain to the extreme end, cannot fathom

lìm trong màn sương bủa
vây như sữa chỉ cây
và cây và cây đậm
đìa chảy từ lá từ

thân những dòng nước mắt
trong suốt lạnh chỉ cây
và cây buồn bã chịu
đựng chỉ cây và cây

vẫn những tiếng gọi như
tan vào khoảng rỗng vẫn
sương dâng mịt mờ suốt
những ngày dài những đêm

dài vẫn chỉ cây và
cây và cây bất lực
cháy những đóm lửa rung
rung trong ký ức

20.4.2014

Xuân Thủy

TẬN CÙNG

Phận người y như những vần thơ
cũ chứa những nỗi cũ đau đau
mà đau tới tận cùng nếu như
tôi là một người đang ở tận

cùng mà mỗi người sinh ra cũng
đều có ít nhất một cái tận
cùng để rồi muốn thoát ra mà
không thể nào thoát ra được như

một nền thơ cũ cứ loay hoay
không thể nào thoát ra như cái
nghèo có làm người ta có đi
ăn cướp không tận cùng cái đói

người ta có đi xin ăn không
nếu tôi cũng có cái tận cùng
mà không ngôn từ nào nói ra
cái tận cùng không ai hiểu một

why a human is born yet afflicted like
that, for me I escaped the old yet still
am afflicted, distressed with pain not because
[I] cannot escape from the old, but

because I am already escaped yet
cannot do anything, in the world yet
anyone who is escaping from the
old, or had escaped just like any-

body has his or her own extreme ends.

Translated into English by Tran Vu Lien Tam

Thach Tot

THE UNEXPECTED MOMENT

In the moment of the unexpected
I suddenly am ... stunned, the green fields
speak of the inner feelings, of confidence,
I walk down to the station platform ah

I look out, babe you are windstorms, you
are the cry out, I ask me not to hush
up the wounds, console, well up with tears, the
fields are green with grasses, turned footsteps
are

apathetic, my inner feelings think
there's a change, that one day I say, heaven
in the mid-sea, drowns in me, tell me, is
it certain that turning apathetic

steps exists, am I showing inner
feelings, eyes have seen and ears have heard,
also

are the witness eyes seeing me run, I
am always chasing, chasing always, who

sets the fire, light how many cigarettes,
I say tell me well about the rights and
wrongs, I run forward, am always chasing
yet still retaining the full dark sad secrets.

Translated into English by Tran Vu Lien Tam

phận người y như những vắn thơ
cũ chứa những nỗi cũ đau đau
mà đau tới tận cùng không hiểu
tại sao con người ta sinh ra

mà khổ đau đến thế còn tôi
thoát thai mà vẫn khổ đau khổ
đau không vì không thoát thai được
mà vì thoát thai rồi không làm

gì được trong một thế giới chưa
ai thoát thai hay đã thoát thai
như ai ai cũng đều có cái
tận cùng của riêng mình

Thạch Tốt

GIÂY PHÚT KHÔNG NGỜ

Trong giây phút không ngờ tôi bỗng ...
ngẩn ngơ những cánh đồng xanh nói
bằng tâm tư bằng tâm sự tôi
xuống sân ga à tôi nó ra

Em là gió bão em là tiếng
kêu tôi rủ tôi đừng bùng bit
những vết thương vỡ về rưng rưng
ưa lệ những cánh đồng xanh cỏ

Trở bước hững hờ tâm cảnh mình
cho là đổi khác một ngày kia
tôi nói trời giữa biển chìm trong
tôi nói cho tôi rành có trở

Bước hững hờ có phơi hết tâm
sự mắt thấy tai nghe còn là
đôi mắt trơ ngóc tôi chạy tôi
rượt mãi rượt mãi ai đốt ngọn

Lửa châm bao nhiêu điều thuốc tôi
nói cho tôi rành những điều hơn
lẽ thiệt tôi chạy tới rượt mãi
vẫn còn nguyên những niềm u uẩn.

10.11.2014

Khe Iem
WITHERING

He walks into the past he
is the past, where the attic
room under the metal roof,
the summer midday sun

scorches him / he is the sun
scorching, sitting there must be
sitting there, returning to
the slow-moving teenage years

[which] now had sunk in the
memories, like the shadow
dark dense loneliness drags
on until he's once like a

dusk fleck, being rolled
into the current era
storm grimmy with hazy fogs,
leaving behind the folks

living in the house half-brick
and half-story wooden, now
there's no one and the house too
is here no longer, they have

gone far away, away
already, carrying with
them the years of teenager
of loneliness, silent of

his he remembers them much,
they and he are like rain drops
spattered on the city
pavements, and each spray

of water is a street
direction of the exposed
life, now where are they, the folks
who are his brothers of his,

he cries, the tear drops dry, next
to the lament of love, and
the past him walks out, the
moment like a withering leaf.

Translated into English by Tran Vu Lien Tam

Khé Iêm
HÉO TÀN

Hắn bước vào quá khứ
hắn là quá khứ nơi
căn gác dưới lớp tôn
mái tôn những trưa hè

nắng nóng hắn là nắng
nóng ngồi đó hắn là
ngồi đó quay lại một
thời niên thiếu chậm trôi

bây giờ đã chìm trong
ký ức như chiếc bóng
đậm đặc quạnh hiu kéo
dài cho đến khi hắn

như hạt bụi bị cuốn
vào cơn bão thời đại
mịt mù sương khói bỏ
lại đằng sau những người

sống trong ngôi nhà nửa
xây tường nửa gác gỗ
bây giờ không còn ai
và ngôi nhà cũng không

còn họ đã đi xa xa
rời mang theo thời niên
thiếu đơn độc lặng câm
của hắn hắn nhớ họ

nhiều họ và hắn như
giọt mưa tung tóe trên
hè phố và mỗi tia
nước là một ngã đường

đời trần trụi bây giờ
họ ở đâu những người
anh em của hắn hắn
khóc những giọt nước mắt

khô bên cạnh mỗi sào
thương và quá khứ hắn
bước ra phút giây như
chiếc lá đã héo tàn.

Ho Dang Thanh Ngoc
A PIECE OF POETRY WRITTEN
BY A POET

yesterday a poet wrote a piece of
poetry in fire and buried [it] below
in the abyss / piece of poetry about
the colors of a flower making the

poet's heart wound bleeds / piece of poetry
about the goose feathers [with] dark colors
in the long days apart from each other,
the feathers with bright colors come back when

the man returns, yet the goose is dead/piece
of poetry about the hair strain of
the willow tree which the hands of love caressed /
a piece of poetry about a love

couple holding each other while in the head
adding up the dinner check on the dining
table at an empty bistro / piece of
poetry about a woman carrying

an umbrella in a sunny afternoon
of the doomsday / piece of poetry about
the beauty of [this] earth this will be the
bitterness / piece of poetry of the

pains about the losses of land / piece of
poetry about the souls [which] sing no
longer though the moonlight is most bright ... The
pieces of poetry are debilities

of language syntax. Yet the pieces of
poetry day by day are cheaped, while the
kiss genuine [kiss] day by day is getting
rare.

Translated into English by Tran Vu Lien Tam

Hồ Đăng Thanh Ngọc
BÀI THƠ CỦA MỘT NHÀ THƠ

hôm qua nhà thơ làm bài thơ
trong lửa rồi đem chôn dưới vực
sâu / bài thơ về màu của đóa
hoa làm trái tim nhà thơ rướm

máu / bài thơ về những chiếc lông
ngỗng màu tối trong những ngày xa
nhau những chiếc lông sáng màu trở
lại khi người đàn ông trở về

song con ngỗng đã chết/ bài thơ
về sợi tóc của cây dương liễu
được bàn tay tình yêu ve vuốt /
bài thơ về một cặp tình nhân

ôm nhau trong lúc nhảm tính về
hóa đơn bữa tối trên bàn ăn
nơi một quán vắng / bài thơ về
người phụ nữ đội ô đi trong

nắng chiều của ngày tận thế / bài
thơ về vẻ đẹp của trái đất
này sẽ là niềm cay đắng / bài
thơ của những đón đau về những

mắt mát đất đai / bài thơ về
những linh hồn không còn hát nữa
dù đêm trăng rất sáng ... Những bài
thơ là sự bất lực của ngữ

pháp. Tuy nhiên những bài thơ ngày
một bị rẻ rúng trong khi nụ
hôn chân thật ngày một hiếm hoi.

Nguyen Thanh Nga
THE PAINTED CAKE

the cake hanging on the wall or the
cake suspended from my head, from the
talented major artists composing
daily, I'm eating it and have

never known because that cake is col-
ored beautifully, beautiful
to the point that I had never questioned
that it's a painted cake, good to the

point that I'd never questioned that it
was painted by the hands of the expert
in art, but one day there's a blowing
wind, the wind blows up all the corners

of the house and the painted cake is being
pushed off the hanging nail on the wall,
spins off my head, abruptly I'm
startled to know the hunger from

previous life, the hunger makes me
eat in error yet again the painted
cake was broken, inside is the rotten
wood outside is the glossy paint in-

expensive ... evil doctrine like that
was also colored into a big
chariot small chariot have been
rolling for two thousand years...

Translated into English by Tran Vu Lien Tam

Nguyễn Thánh Ngã
CHIẾC BÁNH VẼ

chiếc bánh treo trên tường hay chiếc
bánh treo lơ lửng trong đầu tôi
do các họa sĩ đại tài thực
hiện hàng ngày tôi ăn nó mà

không hề hay biết bởi chiếc bánh
ấy được tô phết rất đẹp đẹp
đến nỗi tôi không hề nghi ngờ
rằng nó là chiếc bánh vẽ ngon

đến nỗi tôi không hề nghi ngờ
nó được sơn phết bởi bàn tay
siêu đẳng về hội họa nhưng một
hôm có cơn gió lộng cơn gió

lật tung các góc vách trong căn
nhà và chiếc bánh vẽ bị xô
lệnh khỏi chiếc đinh treo tường hất
ra khỏi đầu tôi bỗng tôi giật

mình nhận ra cơn đói từ tiền
kiếp cái đói khiến tôi ăn nhầm
một lần nữa chiếc bánh vẽ đã
vỡ bên trong là gỗ mục bên

ngoài là nước sơn bóng loáng rở
tiền ... ác pháp cũng vậy đã bị
tô phết thành cỗ xe lớn cỗ
xe nhỏ lăn qua hơn hai ngàn

năm ...

THE SPECIAL PECULIARITIES OF VIETNAMESE NEW FORMALISM

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA THƠ TÂN HÌNH THỨC VIỆT

Khế Iêm

Historically, readers have often misunderstood Vietnamese New Formalism poetry because they read and judge through compositions. This could be because the theoretic frame still hasn't developed enough to have clear standards or, on the other hand, because the poets themselves have not yet learned to be careful about their *points of view* and their *prosody*, such that their compositions do not follow the form of Vietnamese New Formalism correctly. But, by now, the theoretic frame should have been completed, including two collections of essays, *The Dance of the Blank Verse* (2011) and *New Formalism, Thinking about the Prosody* (2016) along with another essay on the function of creativity in the brain, "Poetry and Not Poetry" (2017), which have complemented the way of writing and thinking of poetry contents. The standards of a *good poem* have also been established. The beauty of New Formalism is in the beauty of an *idea* and of the *rhythm*. The language should be simple and easy to understand, but the rhythm and ideas must be new and deep. Furthermore, New Formalism connects the past to the present – *the past is like a half-remembered dream* – between tradition and modernity, between one culture and another, in the terms of neo-eclectic point, by reusing traditional forms, rhythms, prosody and creativity with the entirety of the mind, all of which have become prominent features of Vietnamese New Formalism.

Vietnamese New Formalism reuses all forms of Vietnamese traditional poetry, such as 5-word (syllable) form; 6-word (syllable) form; 7-word (syllable) form; 8-word (syllable) form and 6/8-word (syllable) form – one Vietnamese word is equivalent to one English syllable – adding elements of *enjambment*, *repetition*, *storytelling*

Từ trước tới nay người đọc thường hiểu sai lệch thơ Tân hình thức Việt, vì đọc và phán đoán qua những sáng tác. Có lẽ vì phần lý thuyết chưa hoàn tất để có được những tiêu chuẩn *hay*, *mặt khác*, ngay cả những người làm thơ cũng không chịu tìm hiểu tới nơi tới chốn, *quan điểm* và *cách làm thơ*, nên đa số sáng tác chưa đúng thơ Tân hình thức Việt. Bây giờ, phần lý thuyết đã hoàn tất, gồm hai tập tiểu luận *Vũ điệu không vãn* (2011), *Tân hình thức, nghệ về cách làm thơ* (2016) và một tiểu luận về những chức năng sáng tạo trong não bộ, "Thơ và không thơ" (2017), giúp bổ túc cách sáng tác và tìm kiếm nội dung thơ. Tiêu chuẩn một bài thơ *hay* cũng đã có. Cái *hay* của thơ Tân hình thức Việt là cái *hay* của *ý tưởng* và *nhịp điệu*. Ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu, nhưng nhịp điệu và ý tưởng phải mới mẻ và sâu sắc. Cũng cần nhắc lại, thơ Tân hình thức Việt nối kết giữa quá khứ và hiện tại – *quá khứ như một nửa giấc mơ được nhớ lại* – giữa truyền thống và hiện đại, giữa nền văn hóa này và nền văn hóa khác, theo quan điểm Tân chiết trung. Dùng lại các thể thơ truyền thống, cách tạo nhịp điệu, cách làm thơ, và sáng tác với toàn thể não bộ, tất cả đã trở thành những đặc điểm nổi bật của thơ Tân hình thức Việt.

Thơ Tân hình thức Việt dùng lại các thể thơ Việt, 5 chữ, 7 chữ, 8 chữ và lục bát, thêm những yếu tố như *vắt dòng*, *lập lại*, *tính truyện* và *ngôn ngữ đời thường*. *Vắt dòng* vừa giữ cho bài thơ đúng hình thức của các thể thơ, vừa có tác dụng *vắt ý tưởng* từ dòng này qua dòng khác, làm cho liền lạc với nhau, hình thành tứ thơ hay tư tưởng

and *everyday language*. *Enjambment* simply retains the form of the poem but has the effect of running the idea from one line to another, making it coherent, forming thought in poetry. The *story-telling* approach simply means connecting the ideas together, not allowing them to be fragmented or broken, as in free verse, but it also means relaying a narrative. *Everyday language* is understood as using plain speech to express day-to-day life. These three elements combined with the technique of *repetition* are the basic elements of the structure of Vietnamese New Formalist poetry. However, the art of repetition, which is the key element to the form and the basis of the rhythm of the poetry, can be redefined as follows: repeat the double words (*even* and *uneven* tones) to allocate sufficiently throughout the poem to create the rhythm. For thousands of years, from the East to the West, humans have drawn upon their experience to create poetic forms, aiding poets in the development of their talents. Tang poetry – *even even, uneven uneven* tones – and English poetry – *unstressed, stressed* – create rhythm with repetition and alternate the light and strong sounds in line. Vietnamese is a monosyllabic language; the double words have even and uneven sounds, which is equivalent to the iambic (*unstressed, stressed*) sound of the English language. We would call meter in English poetry the *iambic pentameter* style, which rhythmically reproduces the sound of syllables (*unstressed, stressed*), five times in one line of poetry. But Vietnamese New Formalist poetry allows the *even* and *uneven* words (as a pair) anywhere in the poem. Hence, the rhythm of Vietnamese New Formalism is always changing and lively, never boring.

When, due to habit, a poet often composes a poem when half asleep, what will happen? During that time, we avoid the active interference of the mind. When thinking about poetry, we can use the mind to reason and seek knowledge, but, when we compose, we need to escape its constraints. Each type of poetry has a different way of writing. Vietnamese rhyme poetry is based on emotion. New Formalist poetry forms a combination of emotion and intellect. In a state of drowsiness, we must find ways to

trong thơ. *Tính truyện* có nghĩa là nối kết những ý tưởng với nhau, không rời rạc hay đứt đoạn như trong thơ tự do, và cũng có nghĩa là kể chuyện. *Ngôn ngữ đời thường* được hiểu như dùng ngôn ngữ thông thường, để diễn đạt cuộc sống. Ba yếu tố trên cùng với kỹ thuật *lập lại*, phối hợp thành nghệ thuật thơ Tân hình thức Việt. Tuy nhiên, kỹ thuật lập lại, là yếu tố chủ chốt, hình thành nhịp điệu thơ, được tái định nghĩa như sau, "lập lại những chữ kép (*bằng trắc*) phân phối vừa đủ trong bài thơ" để tạo nhịp điệu. Cả ngàn năm trước, từ Đông sang Tây, con người đã rút tía kinh nghiệm để tạo ra những thể thơ, giúp người làm thơ phát huy tài năng của họ. Thơ Đường, *bằng bằng, trắc trắc*, và thơ tiếng Anh, *không nhấn, nhấn*, tạo nhịp điệu bằng cách *lập lại*, xen kẽ những âm thanh mạnh và nhẹ trong một dòng thơ. Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm, chữ kép (hai chữ) có âm thanh *bằng* và *trắc*, tương đương với đơn vị âm thanh iambic (*không nhấn, nhấn*) của thơ thể luật tiếng Anh. Nếu thơ thể luật tiếng Anh, tiêu biểu là dòng thơ *iambic pentameter*, tạo nhịp điệu bằng cách lập lại những đơn vị âm thanh (*không nhấn, nhấn*), 5 lần trong một dòng thơ, thì thơ Tân hình thức Việt tạo nhịp điệu bằng cách lập lại những đơn vị âm thanh *bằng trắc* (chữ cặp đôi) ở bất cứ chỗ nào trong bài thơ. Vì thế nhịp điệu thơ Tân hình thức Việt luôn luôn thay đổi và sinh động, không bị nhàm chán.

Trường hợp, do thói quen tình cờ, một người làm thơ thường sáng tác vào những lúc nửa thức nửa ngủ, chuyện gì sẽ xảy ra? Trong khoảng thời gian đó, chúng ta tránh được sự can dự quá nhiều của tâm trí – khi suy nghĩ về thơ, chúng ta có thể dùng tâm trí để lý luận, tìm kiếm kiến thức, nhưng khi sáng tác chúng ta cần thoát khỏi những ràng buộc của tâm trí. Mỗi thể loại thơ có cách làm thơ khác nhau, thơ vần điệu dựa vào cảm xúc, thơ tự do dùng tâm trí, còn thơ Tân hình thức kết hợp giữa cảm xúc và tâm trí. Khi

remember the words we have composed – by reading silently to oneself, and by reading the words *over and over* again because pen and paper cannot be nearby when the state is properly attained, and, hence, we cannot record them. When writing rhyme poetry, people hum to make the sound of *even* and *uneven* tones and *rhyme* to be rhythmic with each other, to create music. Free verse is written and edited on paper (the majority of the famous free-verse poets edit their poetry). But, if New Formalist poetry is not read out loud, how could it be possible to coordinate the sound of the *even*, *uneven* tones and the *repeated words* in the poem to establish an acceptable beat? The double repeated words act as *rhymes* in the rhyme poetry, but they also spread throughout the poem, so that the poem does tumble into a sense of dull repetition, separating the rhyme scheme at the end of line from rhyme poetry. This makes the rhythm of the Vietnamese New Formalist poem rich and more varied, wherein each poet and poem is pushed to varying degrees, ranging from quiet to lively. And, to this extent, the reader must also recognize the rhythm of the poem.

The image painted above draws its own conclusions: There is nothing compelling us to create while we sleep, but we can write whenever we are inspired, during the day or the night, as well as when we are sleeping or awake. In this case, the action of reading many times isn't so we can remember the lines but so we can visualize the rhythm of the poetry. Reading and rereading will tame the intellect, and the poem will proceed in a natural way, as opposed to being bound by the intervention of the systematic mind. When the recording of the poem is completed, it is like returning to a new tradition of print in the era when letters are gradually forgotten.

The purpose of New Formalism is to create the rhythm of poetry. If the poem is read out loud, the sound should echo prose because the poet writes on paper according to the style of free verse and counts the number of words, then moves down to the next line. The tempo of the song is the same throughout because its rhythm is like prose. If you follow the method of writing New

làm thơ, trong trạng thái lơ mơ giữa *thức* và *ngủ* đó, chúng ta phải tìm cách *nhớ lại* những câu chữ vừa mới sáng tác, bằng cách đọc lên (đọc thầm trong đầu), và *đọc đi đọc lại* nhiều lần, vì không có sẵn giấy bút để ghi lại. Khi sáng tác thơ vần điệu, người ta ngâm nga, mục đích làm những âm thanh *bằng trắc* và *vần*, nhịp nhàng với nhau, để tạo nhạc tính. Thơ tự do viết và sửa đi sửa lại trên trang giấy (đa số những nhà thơ tự do nổi tiếng, đều sửa đi sửa lại thơ họ). Còn thơ Tân hình thức, nếu không đọc lên thì làm sao phối hợp những âm thanh *bằng trắc* và những *chữ lặp lại* trong bài thơ để tạo thành nhịp điệu? Những *chữ kép* lặp lại đóng vai trò như *vần* trong thơ vần điệu, nhưng rải ra khắp bài thơ, nên không rơi vào sự đều đặn, hạn chế như vần ở cuối giòng của thơ vần điệu. Điều này làm cho nhịp điệu trong thơ Tân hình thức Việt phong phú và khác biệt, nơi từng bài thơ và từng người làm thơ, đẩy tới nhiều mức độ khác nhau, từ trầm lắng đến sôi nổi. Nhưng dù ở mức độ nào, người đọc cũng phải nhận ra được nhịp điệu thơ.

Câu chuyện trên rút ra kết luận: Không có gì bắt buộc chúng ta phải sáng tác trong lúc ngủ, mà có thể sáng tác bất cứ lúc nào cảm thấy có hứng khởi, ban ngày cũng như ban đêm, lúc thức cũng như lúc ngủ. Trong trường hợp này, hành động *đọc đi đọc lại* nhiều lần, không phải để nhớ, mà để hình dung ra nhịp điệu của thơ. Và việc ghi lại trên giấy mới có tác dụng để nhớ. Khi đọc, và *đọc đi đọc lại*, sẽ hạn chế *sự nghĩ* của tâm trí, và bài thơ tiến hành theo những cảm nhận tự nhiên, chứ không phải từ những sắp xếp của lý trí. Sự *ghi lại* trên giấy khi bài thơ hoàn tất, chẳng khác nào quay trở lại một truyền thống mới là chữ in trong thời đại mà chữ in đang dần dần bị lãng quên.

Mục đích luật tắc của Tân hình thức là tạo nhịp điệu thơ. Nếu bài thơ đọc lên, nghe âm hưởng của văn xuôi, là bởi người làm thơ theo cách viết trên giấy của thơ tự do, rồi đếm chữ xuống dòng. Nhịp điệu bài nào cũng hao hao giống nhau, vì đó là nhịp điệu văn xuôi. Còn nếu làm theo cách của thơ Tân hình thức, sẽ tạo được nhịp điệu

Formalist Poetry, this will create a rhythm for the verse, a song unlike any song. Hence, at this stage, there are three important points to note: 1) The everyday language of New Formalist poetry is *easy* to remember; 2) the poems should be recorded on paper only *after* completion; and 3) “counting down the line” is the last step, used to edit the poem after the poem is completed. Only at the time of completion can we assess which poetic form best matches the form of the poem. This could be a set of *5-word* (syllable) to establish a rapid rhythm, *7-word* (syllable) for a medium rhythm, or *6/8-word* for a sense of story telling.

How difficult is Vietnamese New Formalism? It is easy but not too easy. It is difficult but not too difficult. Familiarity improves the practice. This method is not developed down to theory but is one based on the experience of the author. Personally, I write rhyme poetry, free verse and New Formalist poetry, all according to how I *read to myself in my brain*. But, even for free verse as with short poems, there is also a very notable rhythm. And, for the future, New Formalist poetry is a type of poetry which decidedly cares about the rhythm of the poem, which is why I see it as the most appropriate type of poem. The problem now is the desire for innovation of poets who participate in New Formalist poetry. The question: is this desire powerful enough to change habits which have been programmed into the subconscious? If you truly desire this, you must consider the theories and methods of New Formalist poetry and must replace the old habits in the subconscious (as the poet is no longer obsessed with the *frames* and *techniques* of poetry), at which point new creative possibilities may emerge and appear in the poetry. To be like this, mull over and soak in the years. (In the age of the internet, surfing habits and reading by skimming, few people have the desire to become an expert at anything.) Because, in the subconscious, we are a whole series of schools of habits, and habits of old *thinking* and *writing* are difficult to overcome.

thật sự cho thơ, không bài nào giống bài nào. Đến đây, có ba điểm cần ghi nhận: 1/ Ngôn ngữ thông thường trong thơ Tân hình thức còn có tác dụng *dễ nhớ*; 2/ Bài thơ chỉ được ghi lại trên trang giấy, *sau khi hoàn tất*; 3/ "đếm chữ xuống dòng" là khâu cuối cùng, dùng để chỉnh sửa, sau khi bài thơ đã làm xong. Lúc đó, chúng ta mới quyết định xem phải dùng thể thơ nào cho phù hợp với nhịp điệu bài thơ. Thể thơ *5 chữ* cho nhịp điệu nhanh, *7 chữ* cho nhịp điệu vừa, và *lục bát* cho thơ kể chuyện.

Nhưng cách làm thơ Tân hình thức có khó không? Dễ không dễ, khó không khó, chẳng qua là do thói quen. Cách làm đó không đơn thuần là lý thuyết xuống, mà do kinh nghiệm của người viết. Tôi làm thơ vần điệu, thơ tự do, và Tân hình thức, tất cả đều làm theo cách *đọc thắm* trong đầu. Nhưng ngay cả thơ tự do, với những bài thơ ngắn, cũng có nhịp điệu rất mạnh. Và sau này, Tân hình thức là dòng thơ quan tâm tới nhịp điệu, nên tôi thấy đó là cách làm thơ thích hợp nhất. Vấn đề bây giờ là sự khao khát đổi mới của những nhà thơ tham gia sáng tác thơ Tân hình thức, có đủ mạnh để thay đổi thói quen đã được lập trình trong tiềm thức hay không. Và nếu thật sự muốn, phải làm sao để cách làm và lý thuyết thơ Tân hình thức nằm được và thay *thói quen cũ* trong tiềm thức (người làm thơ không còn bị ám ảnh và bận tâm tới những *cái khung* và *kỹ thuật* thơ), lúc đó khả năng sáng tạo mới có thể bộc phát và thành thơ. Để được như thế, phải nghiền ngẫm và ngấm dần qua năm tháng (ở thời đại internet, thói quen đọc lướt, thoáng qua rồi quên, ít ai chịu tìm hiểu kỹ điều gì). Vì trong tiềm thức chúng ta là cả một dãy trường thành những thói quen, thói quen *nghĩ và làm* thơ cũ, khó có thể vượt qua?

People who wrote poetry before the emergence of New Formalism may have been rhyme poets or free-verse poets. But, when participating in New Formalism, if they find the form unsuitable, they can return to their previous methods of composition. In fact, there is not a single poet who composes a poem which is both formalist and free verse, because these types together will not go anywhere; each type of poetry has a different prosody. But, when poets embark on the path of New Formalism, they will have to suspend their previous methods to an extent. The reason is that their New Formalist poetry would entangle the rhyme and rhythm of versed poetry or would work according to the thinking of free-verse poetry. This would ruin New Formalism sooner or later, essentially moving the form into a type of deadlock between the other two styles. Of course, we cannot abandon the previous poetry methods, but we can change slowly until we get used to new methods. For example, we can write down each verse on paper and then continue to *read silently to oneself* until the poem is finished. However, even if one knows how to create rhythm but the idea is too weak, the poem will not succeed. We will have to nurture our ideas in our thoughts and to search for the content of poem.

As we explore the functions of the brain, the creation of poetry is a combination of both left- and right-hemisphere cerebral activity, related to the functioning of the whole. Throughout the process, both the reasoning and the emotional aspects must work together. The style of rhyme poetry works according to the right hemisphere with *music, rhythm* and *emotion*, while free verse is inclined to be a function of the left hemisphere, drawing upon *language* and *knowledge*. In the practice of English meter, whether rhyming or not, due to the polyphonic nature of the language, talented poets can still combine the efforts of both hemispheres with the technique of *enjambment*. While Vietnamese rhyme poetry does not allow one to squeeze the line, the rhyme at the end of the line would be like a wall, blocking the two hemispheres of the brain together, with poetry composed entirely in the right hemisphere. Free verse, because

Người làm thơ trước khi làm thơ Tân hình thức có thể họ đã là những nhà thơ vần điệu hay tự do. Khi tham gia thơ Tân hình thức, nếu thấy không hợp, họ có thể trở về với vần điệu hay tự do. Thực tế, đâu có ai vừa làm thơ vần điệu vừa làm thơ tự do, vì như thế sẽ chẳng đi đến đâu, mỗi dòng thơ có cách làm khác nhau. Nhưng khi đã dần thân vào con đường thơ Tân hình thức, họ phải thôi làm thơ vần điệu hay tự do. Lý do, thơ Tân hình thức sẽ bị vướng vào vần điệu của thơ vần, hoặc làm thơ theo *cách nghĩ* của thơ tự do. Như vậy sẽ làm hỏng thơ Tân hình thức, và sớm hay muộn gì cũng rơi vào bế tắc. Dĩ nhiên, chúng ta không thể bỏ ngay cách làm thơ cũ, nhưng thay đổi từ từ cho tới khi quen dần. Chẳng hạn, ghi xuống trên giấy từng đoạn thơ, rồi tiếp tục làm theo cách *đọc thầm* trong đầu, cho đến khi bài thơ hoàn tất. Tuy nhiên, dù biết cách tạo nhịp điệu, nhưng nếu ý tưởng yếu kém cũng khó thành công. Chúng ta cần phải nuôi dưỡng ý tưởng trong đầu, và tìm kiếm nội dung cho thơ.

Theo khám phá những chức năng của não bộ, sáng tạo trong thơ là sự kết hợp giữa bán cầu não trái và phải, liên quan đến hoạt động của toàn thể não bộ. Trong suốt quá trình, cả khía cạnh lý trí và cảm xúc phải làm việc toàn diện với nhau. Thơ vần điệu sáng tác nghiêng về bán cầu não phải, với *nhạc tính, nhịp điệu, cảm xúc*, trong khi thơ tự do nghiêng về bán cầu não trái với *ngôn ngữ và kiến thức*. Trong thơ thể luật tiếng Anh, dù có vần hay không vần, vì là ngôn ngữ đa âm, với kỹ thuật *vắt dòng*, người làm thơ có tài năng vẫn có thể kết hợp hai bán cầu não với nhau. Trong khi thơ vần điệu Việt, không thể *vắt dòng*, *vẫn* ở cuối dòng giống như bức tường ngăn cản hai bán cầu não thông thương với nhau, thơ hoàn toàn sáng tác với bán cầu não phải. Thơ tự do, vì là dòng thơ trí tuệ, dĩ

of the more intellectual nature of the poetry, must of course be composed by the left hemisphere. Vietnamese New Formalist poetry is in turn composed by the collaboration between the hemispheres, which makes it difficult in general to compose.

But we have only recently understood the function of the brain, so we have not applied the ability to create and coordinate the poetic elements – *emotional, intuitive, rhythm, rhyme* and so on – in the right hemisphere. At the same time, we were not previously aware of the importance of *knowledge* and *artistic thinking* in the development of the content of poetry. Now, we have the combination of the two aspects in the methods of New Formalist poetry and the function of creativity, between aspects of art and aspects of life, between “knowledge and the experience of the subconscious,” as Jesper comments, so we hope to develop true New Formalist poets. More specifically, poetry urgently needs new content.

Poetry cannot be renewed without changing both the form and the content of the poem, because content is the background of the poem; this is where the knowledge of the poem is located. According to Kant, knowledge is something which is created in the mind by filtering the senses through the tools of understanding. Without knowledge, poets cannot discover new ideas in everyday experience and events. Knowledge and intuition are the strengths of the mind, and, with the approach to reality, it makes the flashes of insight.

In modern times, beginning with American free verse and the French Symbolism movement, literature and painting have been concerned with changes in style (to make things new), rather than with content. For example, the Impressionist school, the Abstract school and more – American Black Mountain, Language poetry, French New Novels. But Vietnamese New Formalism combines traditional poetry (with emotion and rhythms of the right hemisphere) and free verse (with the knowledge of the left hemisphere), thus concerning both the form and the content. *Knowledge* and *artistic thinking* are the basic

nhiên phải sáng tác theo bán cầu não trái. Thơ Tân hình thức Việt sáng tác với cả hai bán cầu não, nên khó cũng là điều đương nhiên.

Nhưng chúng ta chỉ mới biết những chức năng của não bộ mới đây, nên chưa vận dụng được khả năng sáng tạo và phối hợp những yếu tố thơ trong bán cầu não phải như *tưởng tượng, cảm xúc, trực giác, nhịp điệu, vần* ... Đồng thời cũng chưa ý thức được tầm quan trọng của *kiến thức* và *tư duy nghệ thuật* trong việc phát triển nội dung thơ. Bây giờ, nếu kết hợp giữa cách làm thơ Tân hình thức và những chức năng não bộ trong sáng tạo, giữa nghệ thuật thơ và đời sống thực tại, giữa “kiến thức và kinh nghiệm trong tiềm thức”, như ý kiến của Jesper, chúng ta hy vọng sẽ có được những nhà thơ Tân hình thức thực sự. Cụ thể hơn, thơ khẩn thiết cần một nội dung mới.

Thơ không thể đổi mới, nếu không thay đổi cả hình thức lẫn nội dung. Vì nội dung là xương sống của bài thơ, ở đây là kiến thức. Theo Kant, kiến thức là cái gì đó được tạo ra bởi tâm trí, bằng cách lọc cảm giác thông qua các công cụ hiểu biết. Thiếu kiến thức, người làm thơ không thể phát hiện những ý tưởng mới trong những biến cố và sự việc thường ngày. Kiến thức và trực giác là sức mạnh trong tâm thức, tiếp cận với thực tại, tạo nên ánh sáng lóe trong nội tâm.”

Thời hiện đại, bắt đầu với thơ tự do Mỹ và trường phái Tượng trưng Pháp, văn học và hội họa quan tâm tới những thay đổi về phong cách (làm mới) hơn là nội dung, như các trường phái hội họa Ấn tượng, Lập thể, Trừu tượng ... các trường phái thơ hậu hiện đại Mỹ Black Mountain, thơ Ngôn ngữ ... tiểu thuyết mới Pháp ... Nhưng thơ Tân hình thức Việt nối kết truyền thống (cảm xúc và nhịp điệu thuộc bán cầu não phải) và thơ tự do (kiến thức, trí tuệ thuộc bán cầu não trái), quan tâm tới cả hình thức lẫn nội dung. *Kiến thức* và *tư duy nghệ thuật* là những yếu tố cơ bản giúp nhà thơ tìm kiếm nội dung thơ. Và như vậy, cách

elements which help poets search for content of poetry. Thus, prosody and the discovery of the brain functions with creativity are combined together to form the theory of Vietnamese New Formalism, from easy to simple, from simple to complex, to meet the needs of the poet and the reader.

The discovery of the creative function of the brain, combining the two hemispheres in the composition, is consistent with the theory of New Formalist practice. Formalist poetry (or rhyme poetry) has a thousand-year history; free verse has a history of more than one hundred years, and each type of poetry has its beauty, as every individual has their own style. For the purpose of poetry is to bring joy back into the work of reading and writing. New Formalist poetry provides only the method, meeting the needs of those who really want to change poetry. But, if you want to change, you should be sure to thoroughly understand each type of poetry. In particular, free verse comes from the United States, while traditional poetry comes from England, with gradual and scholarly changes. Vietnamese New Formalist poetry connects and meditates on many types of poetry, drawing upon some basic principles to make poetry. Hereafter, in the process of creation, there will be countless innovations, enriching this form of poetry.

September, 2017

Translated into English by William Noseworthy

William B Noseworthy: Lecturer – Department of History, University of Wisconsin-Madison

làm thơ và khám phá những chức năng não bộ trong sáng tạo đã kết hợp với nhau và làm thành lý thuyết thơ Tân hình thức Việt, đáp ứng nhu cầu người làm và đọc thơ, từ dễ đến khó, từ đơn giản tới phức tạp.

Sự khám phá những chức năng sáng tạo trong não bộ, kết hợp hai bán cầu não trong sáng tác, lại phù hợp với cách làm và lý thuyết thơ Tân hình thức. Thơ thể luật (hay vần điệu) đã có cả ngàn năm, thơ tự do cũng có lịch sử hơn trăm năm, mỗi loại thơ đều có cái hay của nó, ai thích thì làm, vì mục đích của thơ là mang lại niềm vui cho người làm và đọc thơ. Thơ Tân hình thức chỉ cung cấp thông tin, đáp ứng nhu cầu cho những ai thật sự muốn thay đổi thơ. Nhưng nếu muốn thay đổi, phải hiểu rõ tường tận từng thể loại thơ. Đặc biệt, thơ tự do xuất phát từ Mỹ với hàng loạt những phong trào tiên phong, và thơ thể luật tiếng Anh, với từng bước cải đổi có bài bản và học thuật. Thơ Tân hình thức Việt nối kết và trầm tư nhiều thể loại thơ, rút tĩa một số nguyên tắc căn bản để làm thơ, từ đó, trong tiến trình của sáng tạo, sẽ còn vô số những phát kiến không ngừng, làm phong phú cho thể loại thơ này.

Tháng 9, 2017

William B Noseworthy: Giảng viên đại học – Phân khoa lịch sử, thuộc Đại học Wisconsin-Madison

ENGLISH POETRY
(Traditional and Free-Verse Forms)

We would like to thank you very warmly for your recent kind words to us about our poetry work with *Poetry Journal in Print*. We appreciate your feedback and your interest in the *Journal*. The work is both challenging and rewarding, and you have encouraged us with your message.

The *Journal* welcomes the submission of English poetry in both traditional and free-verse forms. Poems in the English language, either traditional or free verse, have a shorter line form (in 5 – 7 syllables) which depends on continuity of thought and feeling. These will be translated by the forms of Vietnamese New Formalism to be like Vietnamese poetry.

Phill Provance
THE POEM IS

Because at five I caught
my dad, his neck craned
in the dust-smothered,
olive-curtained, spare
room of our trailer,
scribbling and crying on
a near-exhausted legal
pad as my Uncle Don
helped shove his clothes
in a Rubbermaid bin.
The Place of a Poet
Because, after dad left,
there was a warm divot
in my parents' comforter
where me and my brother
would lay like two blind
puppies stretched below
a window, before we'd
lash our arms around our
mother as she opened
Danny the Dinosaur
to our favorite page.
Because I first fell into
myself in second grade,
the day Mrs. Mann had
us write poems, and when
my eyes turned to the playground
they suddenly divided
the sky from the rain.
It is because all this has
recurred in swells and waves:

Phill Provance
BÀI THƠ LÀ

Bởi vào lúc lên năm tôi
bắt gặp cha tôi nghiền cổ
nơi căn phòng dư ra trong
nhà xe lưu động ngăn bởi
bức màn bụi bặm màu xanh
ô-liu đang viết nguệch ngoạc
và la hét trên trang giấy
gần bạc màu khổ thông thường
trong khi cậu Don giúp nhét
quần áo của ông vào chiếc
thùng hiệu Rubbermaid. Bởi
khi cha rời đi, để lại
một chỗ còn ấm trong chiếc
chăn bông của cha mẹ tôi
nơi tôi và em tôi nằm
giống như hai con chó con
mới sinh duỗi dài bên dưới
cửa sổ, trước khi chúng tôi
choàng tay quanh mẹ khi mẹ
mở cuốn sách *Danny the
Dinosaur* tới trang chúng
tôi ưa thích. Bởi lần đầu
tiên ở lớp hai tôi trở
nên tự nhận biết vào ngày
cô giáo Mann cho chúng tôi
làm thơ và khi đôi mắt
tôi quay qua phía sân chơi,
đôi mắt phân ly bầu trời
với cơn mưa. Bởi tất cả
điều này đã tái diễn trong
phòng căng và gợn sóng: trang

The tear-soaked paper.
The empty bed. My son
asking for the peace
The Giving Tree gives. Now
and then, again and again –
when nothing's left,
the poem remains.

giấy thấm nước mắt. Chiếc giường
trống. Con trai tôi đòi an
bình từ cuốn *The Giving
Tree* truyền cho. Thỉnh thoảng, lập
đi lập lại – khi không còn
lại gì, bài thơ còn lại.

Translated into Vietnamese by Khe Iem

* Bài thơ, từ thể hệ này qua thể hệ khác (như cha mẹ, cậu, em, con cái của tác giả), khởi đầu từ lúc sinh ra đến khi tự nhận biết mình với thế giới xung quanh, như nhận ra bầu trời và cơn mưa. – Legal pad: khổ giấy 8 1/2 x 14. – *Danny the Dinosaur*: Câu chuyện bằng tranh về Danny và con khủng long của Syd Hoff. – *The Giving Tree*, bài thơ cái cây và cậu bé, của Shel Silverstein. Cái cây luôn luôn cho và cậu bé luôn luôn nhận. Mỗi thời gian của đời người, cây cho trái (để bán lấy tiền), cho cành (để làm nhà), cho thân cây (để làm thuyền), và khi về già, cây cho bóng mát để nghỉ ngơi (an bình).

Jordan Trethewey
UNDEAD HOURS

creepy children stare into
monochrome monitors
standing on tippy-toes
white eyes boring holes
in luminescent screens
chirping like canaries in
abandoned coal mines
sonic signals sent
cause brain tumours on
frequencies only pets hear
until zombie caretakers
awake to comfort with
stiff-limbed cuddles
grunted lullabies

Translated into Vietnamese by Khe Iem

Jordan Trethewey
NHỮNG GIỜ CANH THỨC

Nhìn chăm chăm vào những thiết
bị đơn sắc những đứa trẻ
bò đứng kiễng chân những con
mắt trắng nhìn xuyên thấu qua
những màn hình phát quang chúng
kêu chiêm chiếp như con chim
bạch yến nơi những mỏ than
bỏ hoang những tín hiệu âm
thanh tưởng như đang gây ra
khối u não với những tần
số chỉ dành cho loài thú
nuôi nghe cho đến khi những
người chăm sóc lảng đãng tỉnh
giác dỗ dành ôm ấp với
những cánh tay mệt mỏi những
lời ru làm bằm

Jordan Trethewey lives with his family in Fredericton, New Brunswick, Canada. He has published two poetry chapbooks (*Bathroom Stall Stanzas*, 2011, and *Wishing on Satellites*, 2016)

Jordan Trethewey sống với gia đình ở Canada. Ông đã xuất bản hai tập thơ (*Bathroom Stall Stanzas*, 2011, và *Wishing on Satellites*, 2016).

* Bài thơ nói về sự chăm sóc đứa trẻ sơ sinh hay khóc đêm, qua một thiết bị có màn hình (baby monitor). Tiếng khóc làm những người chăm sóc có cảm giác như có khối u đang xuất hiện trong đầu, tâm trí lảng đãng vì thiếu ngủ.

Mark Osaki

AN OLD DANCE FAVOR
(Walter Reed AMC)

Throughout the neon lit ward
braces thunder to music
no one can hear.
The wooden ribs of the floor
are splitting under the weight
of so much metal.

An attendant smiles and shouts,
It's therapy!
He motions to a chair atop which
my friend is propped, his torso
swaying in time with the stumbling shapes
dancing on stumps.

Translated into Vietnamese by Khe Iem

Sheikha A.

REMINISCENCE

Fresh, new page
Beginning of a new morning,
I look outside the window
The lavender tree withered.
So many years
Growing amongst those leaves,
The loss borne by them
Its scent lingering.

Nothing has changed,
Today's the duplicate of yesterday,
Drudgery has crawled in
Weaved into this circle of routine.

New seeds are sown now,
We wait for the right season,
In time there will be new growth
But your scent lingers still.

Translated into Vietnamese by Khe Iem

Sheikha A. is from Pakistan and United Arab Emirates. Her work has appeared in over 100 literary venues, both print and online.

Mark Osaki

THIỆN Ý CŨ CỦA KHIÊU VŨ

Trong gian phòng bệnh viện sáng đèn neon
những chiếc nạng động âm ỉ làm âm nhạc
không thể ai nghe
những thanh rằm sàn gỗ
đang nứt ra dưới sức nặng của quá nhiều chiếc nạng

người phục vụ mỉm cười và hét lên
đó là trị liệu pháp
anh ta chỉ chiếc ghế dành cho người tàn tật
bạn tôi ngồi, phần trên thân thể anh
đung đưa đúng lúc với những dạng hình loạn xạ
đang khiêu vũ trên phần chân cụt

* Walter Reed AMC: Walter Reed Army Medical Center
(Trung tâm y khoa quân đội Walter Reed)

Sheikha A.

SỰ HỒI NHỚ

Tươi tắn, ngày mới
Bắt đầu buổi sáng mới,
Tôi nhìn ra cửa sổ
Cây oải hương héo tàn.
Quá nhiều năm
Lớn lên giữa những chiếc là này
Mang theo sự mất mát
Mùi hương còn rớt lại

Không có gì thay đổi
Hôm nay là bản sao ngày hôm qua
Sự lao nhọc bò vào
Len lỏi trong vòng thói quen

Những hạt mầm mới vừa gieo
Chúng ta chờ mùa tới
Đúng lúc có sự sinh trưởng mới
Nhưng mùi hương rớt lại hãy còn

Sheikha A. đến từ Pakistan và United Arab Emirates. Tác phẩm của bà xuất hiện trong hơn 100 địa điểm văn học, cả in ấn và trực tuyến.

Roberta Gould
SOLSTICE LIGHT

Every shadow on the road
is a tree in a way
or what you touch
when swinging branches

Your own long body
reaches the mountain
The field is grazed
with the branches' shade

Bliss of emptiness!
The world bursts forth
sliver of bark rising over you
full of the sun

Translated into Vietnamese by Khe Iem

Roberta Gould is the author of 11 books of poetry. Gould's poems have appeared widely in poetry journals including Green Mountain Review, Confrontation, The Manhattan Poetry Review, Socialism and Democracy, The New York Times, in anthologies, *The Art and Craft of Poetry*, *A Slant of Light*, *Mixed Voices*, among others, and in various online publications.

Alden Marin
THE PLACE OF A POET

He put himself
In the place
Of a poet
Whose words had
No origin
Like the sound of rain
With its vague
Beginning and end;
Letters and their phrases
Seeming to come
From nowhere
And making sense only

Roberta Gould
ÁNH SÁNG ĐIÊM CHÍ

Mỗi cái bóng trên đường
là cái cây trong lối đi
hoặc cái gì bạn chạm tới
khi những cành cây đung đưa

Chính cái bóng dài của bạn
vươn tới ngọn núi
Cái bóng những cành cây
lướt qua cánh đồng

Niềm vui sướng của sự trống rỗng!
Thế giới bung mở
mảnh vỏ cây đung đưa bên trên
đầy mặt trời

* Điêm chí: Một trong hai lần mặt trời ở xa xích đạo nhất về phía Bắc hoặc phía Nam.

Roberta Gould là tác giả của 11 cuốn sách về thơ. Thơ của ông đã xuất hiện trên Green Mountain Review, Confrontation, The Manhattan Poetry Review, Socialism and Democracy, The New York Times, trong những tuyển tập, *The Art and Craft of Poetry*, *A Slant of Light*, *Mixed Voices*.

Alden Marin
VỊ THẾ CỦA MỘT NHÀ THƠ

Y tự đặt mình
Vào vị thế
Của một nhà thơ
Người mà những từ của ông ta
Không có nguồn gốc
Tựa như tiếng mưa
Với khởi đầu và kết thúc
Mơ hồ;
Những chữ và những cụm chữ
Dường như chẳng tới từ đâu
Và chỉ có nghĩa
Trong một cảnh quan

In a landscape
Of the unknown –
In bursts occurring
Random
But there it was
Black on the page
And plain as day –
Waiting to be lived,
Wanting to be sung...

Của vô tri –
Trong những bùng vỡ
Tình cờ xảy đến
Nhưng nghĩa đó
Mực đen trên trang giấy
Và rõ như ban ngày –
Chờ đợi được sống trải,
Mong mỏi được hát lên ...

Translated into Vietnamese by Pham Kieu Tung

Alden Marin is an artist, musician, poet, mountain hiker and surfer. His website:
www.aldenmarin.com

Alden Marin là nhạc sĩ, nhà thơ, người leo núi và lướt sóng. Website của ông: www.aldenmarin.com

Dennis Maloney
WINDOWS

My father-in-law
just short of a century
lays in the hospital bed
tethered, still, to this world
by IVs, machines, and monitors.
The body and mind unraveling
suddenly wakes from
a comma-like sleep and asks

“Who talked me into this trip?”
Does he mean this floating
between sleep and dream
trading stories with his brother
in the grave thirty years
wrestling in a dialog between
his god and his devil
or perhaps this life itself

Translated into Vietnamese by Khe Iem

Dennis Maloney
NHỮNG CỬA SỔ

Cha vợ tôi
gần trăm tuổi yên lặng
nằm trong nhà thương
dây truyền nối với tĩnh mạch
giữa thế giới của máy móc và những thiết bị.
Thân xác và tâm trí tách rời
bất ngờ tỉnh dậy từ
con hôn mê như ngủ và hỏi

“Ai rủ rê tôi vào cuộc hành trình này?”
Ông muốn nói về sự lơ lửng
giữa giấc ngủ và giấc mơ
sự trao đổi những câu chuyện với người em
chết cách đây 30 năm
sự vật lộn trong cuộc hội thoại
giữa thượng đế và ma quỷ
hoặc có lẽ với chính cuộc đời này.

Tom Riordan
GABE & ANNA'S WEDDING

Across the Callicoon Bridge
over the Delaware River
on the road to Damascus:

by the time you've arrived,
your eyes grown brighter
& your tails a little bushier,

the Empire State behind,
now brother-&-sisterly love
supreme in Pennsylvania.

Place matters. Both of you
know just how tangible it is,
so even if it's accidental

that you tie a knot here,
all the graces of this house,
road, bridge, and waters

still redound to your intent:
affections deep and pure
which friend & family bless.

Translated into Vietnamese by Khe Iem

“Bright eyed and bushy tailed” (thành ngữ Mỹ), mắt sáng và tràn đầy năng lượng. Tail (cái đuôi): liên hệ tới con sóc, có cặp mắt nhỏ, tròn và sáng với cái đuôi luôn luôn năng động. Trong thời hiện đại, cụm từ này thường được sử dụng để nói về năng lượng vào buổi sáng, lúc thức dậy. – Damascus, ở Syria, nơi chúa Jesus tới, ám chỉ, theo ý Chúa. Tòa nhà Empire State, ám chỉ New York. Bài thơ nói về một đám cưới bình thường, không phải do yêu nhau.

Tom Riordan
ĐÁM CƯỚI CỦA GABE & ANNA

Băng qua cầu Callicoon
qua dòng sông Delaware
trên đường tới Damascus:

lúc tới mắt bạn trở nên
sáng hơn và năng lượng bùng
rỡ, New York ở phía sau,

trước mặt là thành phố tình
yêu ở Philadelphia
“brother & sisterly love”.

Chuyện nơi chốn. Các bạn đều
biết rõ như vậy cho dù
là sự tình cờ đã kết

hôn ở đây, tất cả những
nét đặc trưng của ngôi nhà
này, con đường, cầu, và nước

đều góp phần vào ý định
các bạn: cảm xúc sâu sắc
và thuần khiết bạn bè và

gia đình bạn cho.